TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 09 - 8 - 2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Danh.

2. Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: đường K, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Bị đơn: Ông Lý B, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Tạ Thị N trình bày:

Vào năm 2009, bà và ông B kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 11/12/2009. Sau khi kết hôn, bà và ông B sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vì ông B không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên cải vã và đã ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Lý B .

Trong quá trình chungsống, bà và ông B có hai người con tên là Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018, hiện nay đang sinh sống với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con

mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 cháu cho đến khi cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Lý B trình bày:

Về thời gian, thủ tục kết hôn giống như lời trình bày của bà N. Nay trước yêu cầu của bà N, ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Tạ Thị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sốngông và bà N có hai người con tên là Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018, hiện nay đang sinh sống với bà B. Nếu ly hôn ông đồng ý giao cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 đủ 18 tuổi. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý K, sinh ngày 11/12/2018 và không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tạ Thị N.

+ Về con chung: Giao con chung tên Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng và ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/ tháng/ 01 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Bà N và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà N và ông B xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Bà N, ông B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Tạ Thị N và ông Lý B có đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã T, , huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Hôn nhân của ông, bà tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Tạ Thị N và ông Lý B là hợp pháp.

Bà Tạ Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Lý B, tại phiên tòa ông Lý B đồng ý ly hôn với bà N. Xét yêu cầu của bà Tạ Thị N Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý cho ông Lý B và giữa bà Tạ Thị N, ông Lý B từ khi phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà N vẫn cương quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn. Tại phiên tòa ông Lý B đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Tạ Thị N và ông Lý B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị N được ly hôn với ông Lý B .

[2] Về con chung: Bà Tạ Thị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018. Tại phiên tòa ông Lý B đồng ý giao cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng và ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý K, sinh ngày 11/12/2018. Xét thấy, hiện nay cháu Lý T, Lý K đang sống với bà N và để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và cũng theo nguyện vọng của cháu Lý T. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 là có căn cứ.

Ông Lý B có quyền thăm nom cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 không ai được cản trở theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Tạ Thị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Lý B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 theo Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tạ Thị N yêu cầu ông Lý B phải cấp dưỡng nuôi cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, như đã phân tích nêu trên bà N là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 nên ông B không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của ông B và nhu cầu thiết yếu của cháu Lý T, Lý K. Trong quá trình hòa giải tại tòa án ông Lý B đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi nên căn cứ vào

Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị N yêu cầu ông Lý B phải cấp dưỡng nuôi cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ và cấp dưỡng hàng tháng, bắt đầu từ ngày 09/8/2023 (ngày xét xử sơ thẩm).

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà Tạ Thị N và ông Lý B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà Tạ Thị N và ông Lý B cho rằng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Tạ Thị N phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Lý B phải chịu án phí theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Tạ Thị N và ông Lý B được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Tạ Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018.

Ông Lý B có quyền thăm nom cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 không ai được cản trở. Bà Tạ Thị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Lý B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018.

3. Ông Lý B phải cấp dưỡng nuôi cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ 01 tháng/ 01 cháu cho đến khi cháu Lý T, sinh ngày 14/7/2011 và Lý K, sinh ngày 11/12/2018 đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày 09/8/2023 (ngày xét xử sơ thẩm).

4. Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà Tạ Thị N và ông Lý B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà Tạ Thị N và ông Lý B cho rằng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tạ Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo B lai số 0008924 ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Tạ Thị N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lý B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng).

7. Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T, ;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng (PKTNV và THA)
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thanh Hoa